TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày: 07/6/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé;

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Linh, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Tăng Vỉ P, sinh năm 1994, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Hoa; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng T và bà Lâm Thị B; anh chị em ruột 02 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2001); có vợ là chị Trần Thị Phượng H, sinh năm 1998 và 01 con tên Tăng Đại L, sinh ngày 19/3/2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/02/2019 đến ngày 17/4/2019 được tại ngoại và thay thế bằng biện pháp bảo lĩnh, đến ngày 26/4/2019 bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

2/ Huỳnh Hữu Ph, sinh ngày 17 tháng 5 năm 2000, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh H (đã chết) và bà Nguyễn Thị U; anh chị em ruột 02 người (lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2001); bị cáo chưa có: Vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Bến Giá – Bộ Công an theo Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2018/HS-ST, ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh từ ngày 12/11/2018 cho đến nay (có mặt).

3/ Nguyễn Minh Th, sinh năm 1995, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ng và bà Dương Thị H; anh chị em ruột: Không có; có vợ tên Lê Thị Diễm Th, sinh năm 1997 và 03 người con lớn nhất sinh năm 2016 và nhỏ nhất sinh ngày 05/3/2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Xấu; bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/11/2018 cho đến nay, về hành vi trộm cắp tài sản trong vụ án hình sự xảy ra tại huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Tăng Vỉ P là: Ông **Phạm Thanh Ph**, là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị hại:*

1/Anh **Trần Minh H**, sinh năm 1970 (có mặt);

2/ Chị **Châu Hồng L**, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh **Tăng T**, sinh năm 1967 (có mặt);

2/ Ông **Nguyễn Văn Kh**, sinh năm 1961 (vắng mặt không lý do);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3/ Anh **Dương Văn T**, sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4/ Anh **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1978 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp b, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng*: Anh **Phạm Minh Th1**, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu chơi cây kiểng nên khoảng tháng 09 năm 2018 bị cáo Tăng Vỉ P gặp bị cáo Huỳnh Hữu Ph, bị cáo P kêu bị cáo Ph trộm cây kiểng nhà anh Trần Minh H, sinh năm 1970, ngụ ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, do bị cáo P biết nhà anh H có nhiều cây kiểng, để bán lại cho bị cáo P thì bị cáo Ph đồng ý và bị cáo P chỉ đường đến nhà anh H cho bị cáo Ph đi trộm kiểng, do không có xe nên bị cáo Ph kêu bị cáo P chở xuống nhà anh H nhưng bị cáo P không đồng ý mà kêu bị cáo Ph tự tìm xe đi lấy trộm cây kiểng. Sau đó, đến khoảng tháng 10 năm 2018, bị cáo P sử dụng xe mô tô, hiệu Honda Winner, màu xanh, biển kiểm soát 84G1-393.56 đến nhà bị cáo Th để rủ bị cáo Th đi mua gà thì bị cáo Th đồng ý. Sau đó, bị cáo P chở bị cáo Th đến nhà anh Trần Văn Đ, sinh năm 1970, ngụ ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh để mua gà nhưng không mua được gà nên bị cáo P chở bị cáo Th đi về. Khi đi ngang nhà anh H, hai bị cáo ghé vào xem cây kiểng. Khoảng 10 phút sau, hai bị cáo đi ra về, khi ra xe bị cáo P chỉ cho bị cáo Th mấy cây kiểng cặp hong nhà anh H và nói cho bị cáo Th biết, bị cáo P có kêu bị cáo Ph lấy trộm mấy cây kiểng nhà anh H, đem về bán lại cho bị cáo P. Trên đường về bị cáo Th hỏi bị cáo P lấy mấy cây nhà anh H thì cho bị cáo Ph bao nhiêu tiền thì bị cáo P nói "*Cho từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng, khi nào lấy cây về rồi tính*". Sau đó, bị cáo Th gặp và nói với bị cáo Ph biết "*Đường khó đi lắm, đừng có lấy trộm cho bị cáo P*".

Đến khoảng 03 ngày sau, bị cáo P điện thoại hỏi bị cáo Th có thấy bị cáo Ph lấy cây về chưa, bị cáo Th trả lời chưa thấy và căn dặn bị cáo Th khi nào thấy bị cáo Ph lấy trộm cây kiểng về, điện thoại cho bị cáo P biết.

Đến khoảng 22 giờ ngày 25/10/2018, bị cáo Ph và bị cáo Th bàn bạc với nhau xuống nhà anh H trộm cây kiểng về bán cho bị cáo P thì cả hai bị cáo đồng ý. Đến khoảng 00 giờ ngày 26/10/2018 bị cáo Th lấy xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 84G1-468.08 của cậu ruột là Dương Văn T, sinh năm 1977, ngụ ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, chở bị cáo Ph đến nhà anh H, trên đường đi hai bị cáo thống nhất với nhau chỉ lấy trộm một cây bông trang. Khi đến đường đanl trước nhà anh H, bị cáo Th dựng xe lại và cùng bị cáo Ph xuống xe nhổ trộm 01 (một) cây bông trang, màu đỏ, loại lá nhỏ, có bề hoành gốc 38cm, hình dáng dạng bonsai, được trồng trong chậu bên hong nhà anh H. Sau đó, cả hai khiêng cây bông trang để lên xe, trong lúc khiêng cây bông trang, bị cáo Th làm rớt lại 01 (một) đôi dép lào, màu vàng. Sau đó, bị cáo Th điều khiển xe, còn bị cáo Ph ngồi sau ôm cây bông trang. Khi điều khiển qua cầu T, xã H, hướng về xã T, huyện C, được một đoạn, bị cáo Ph kêu bị cáo Th

dừng xe lại giấu cây bông trang cặp đường và quay lại nhà anh H bắt trộm gà, vì trong lúc trộm cây bông trang bị cáo Ph nghe có tiếng gà gáy ở phía sau nhà anh H thì bị cáo Th đồng ý. Sau đó, hai bị cáo quay lại nhà anh H, bị cáo Th dừng xe chờ bên ngoài, còn bị cáo Ph vào phía sau nhà bắt trộm 01 (một) con gà trống, loại gà tre, màu trắng và 01 (một) con gà mái, loại gà tre, màu đen. Sau khi bắt gà xong, bị cáo Ph lên xe, bị cáo Th chở đến chỗ cất giấu cây bông trang để lấy cây bông trang đem về nhà bị cáo Th cất giấu.

Khoảng 03 ngày sau, bị cáo Ph lấy điện thoại của bị cáo Th gọi cho bị cáo P nhưng bị cáo Th trực tiếp nói cho bị cáo P biết đã lấy trộm cây trang về rồi. Đến trưa cùng ngày, bị cáo P đến nhà bị cáo Th xem và đồng ý mua giá 1.000.000 đồng, bị cáo P đưa trước cho bị cáo Th số tiền 500.000 đồng, bị cáo Th đưa lại cho bị cáo Ph để bị cáo Ph đi mua 01 (một) cuộn băng keo hết số tiền 12.000 đồng, sau đó bị cáo P đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ, cùng ngày, bị cáo P điều khiển xe mô tô hiệu Honda, kiểu Dream, màu nho, biển kiểm soát 84G1-022.72 của cha ruột bị cáo là Tăng T, sinh năm 1967, ngụ Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, đến nhà bị cáo Th, để chở cây bông trang về nhà mẹ vợ của bị cáo P ở ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh để cất giấu. Sau đó, bị cáo P đưa số tiền 500.000 đồng cho bị cáo Th.

Đến khoảng 03 ngày sau, bị cáo P thấy không thích cây bông trang trên nên đã nhờ anh Phạm Minh Th1, sinh năm 1967, ngụ ấp L, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bán giùm cây bông trang cho bị cáo P thì anh Th1 đồng ý. Bị cáo P chở cây bông trang đến nhà anh Th1 gửi bán, anh Th1 bán cho ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1961, ngụ Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, với giá 2.000.000 đồng và đã đưa số tiền trên cho bị cáo P. Riêng 01 (một) con gà trống, màu trắng, bị cáo Th cùng với bị cáo Ph đem bán cho Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978, ngụ ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, với số tiền 300.000 đồng, còn 01 (một) con gà mái, màu đen, bị cáo Th nuôi tại nhà và bị bệnh chết. Số tiền có được, các bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm, anh Trần Minh H đã trình báo Công an xã H. Qua xác minh, cơ quan Công an xác định được các bị cáo Huỳnh Hữu Ph, Nguyễn Minh Th và Tăng Vỉ P tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên đã mời làm việc. Qua làm việc, các bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm:

Ông Nguyễn Văn Kh giao nộp: 01 (một) cây bông trang, loại lá nhỏ, bông đỏ, có bề hoành gốc 38cm, hình dáng dạng bonsai;

Anh Trần Minh H giao nộp: 01 (một) đôi dép lào, màu vàng;

Bị cáo Tăng Vỉ P giao nộp 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, có số thuê bao 0975.859.555 và số tiền 2.000.000 đồng;

Anh Tăng T giao nộp 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, kiểu Dream, màu nho, biển kiểm soát 84G1-022.72;

Anh Dương Văn T giao nộp 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 84G1-468.08.

Tại bản kết luận số 01 ngày 03/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tiểu Cần kết luận:

+ 01 (một) cây bông trang, loại lá nhỏ, bông đỏ, theo giá thị trường ngày 26/10/2018, có giá trị thành tiền là 5.000.000 đồng.

+ 01 (một) con gà trống tre, có trọng lượng 1,1 kg x 60.000 đồng/kg, có giá trị thành tiền là 66.000 đồng.

+ 01 (một) con gà mái tre, có trọng lượng 0,9 kg x 60.000 đồng/kg, có giá trị thành tiền là 54.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.120.000 đồng

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu; các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá.

Trong quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 (một) cây bông trang cho anh Trần Minh H; trả 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, kiểu Dream, màu nho, biển kiểm soát 84G1-022.72 cho anh Tăng T; trả 01 (một) xe mô tô, hiệu Yamaha, kiểu Sirius, màu trắng đen, biển kiểm soát 84G1-468.08 cho anh Dương Văn T.

Đối với 01 (một) con gà trống, màu trắng, bị cáo Th bán lại cho anh Nguyễn Thanh T và 01 (một) con gà mái, màu đen, bị cáo Th nuôi tại nhà, đều đã chết không thu hồi được để xử lý. Đối với số tiền 2.000.000 đồng do bị cáo P giao nộp, cơ quan Công an đã trả lại cho ông Nguyễn Văn Kh.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, có số thuê bao 0975.859.555 của bị cáo P và 01 (một) đôi dép lào, màu vàng của bị cáo Th dùng làm phương tiện để phạm tội đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm là 01 (một) cây bông trang. Riêng 02 (hai) con gà, bị hại không yêu cầu bị cáo Ph và bị cáo Th bồi thường, nên không đặt ra xem xét. Đối với số tiền

1.000.000 đồng bị cáo P mua cây bông trang của bị cáo Ph và bị cáo Th và số tiền 300.000 đồng bị cáo Ph và bị cáo Th bán 01 con gà trống tre cho anh T, nhưng hội đồng định giá là 66.000 đồng, do đó hai bị cáo phải liên đới nộp tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 1.234.000 đồng.

Tại cáo trạng số: 14/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố các bị cáo Tăng Vỉ P, Huỳnh Hữu Ph và Nguyễn Minh Th về tội *"Trộm cắp tài sản",* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố các bị cáo.

Vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố, sau khi phân tích hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vụ án như sau:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Tăng Vỉ P từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án, về tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu Ph từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù của Bản án số: 54/2018/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tình từ ngày 12/11/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án số: 14/2019/HS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tình từ ngày 22/11/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, có số thuê bao 0975.859.555 của bị cáo Tăng Vỉ P, do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đôi dép lào, màu vàng đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Minh Th.

Buộc bị cáo Ph và bị cáo Th mỗi bị cáo nộp lại số tiền là 617.000 đồng tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Tăng Vỉ P phát biểu ý kiến: Thống nhất với Cáo trạng cũng như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo P, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội do lòng tham nhất thời, giá trị tài sản không lớn, tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; cha bị cáo là anh Tăng T được Nhà nước tặng kỷ niệm chương "*Vì sự nghiệp phát triển của các dân tộc*", bị cáo đang nuôi con nhỏ sinh năm 2018. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đối với vật chứng của vụ án là 01 (môt) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, có số thuê bao 0975.859.555, đề nghị trả lại cho bị cáo vì bị cáo không dùng vào việc phạm tội.

Bị hại anh Trần Minh H trình bày: Anh đã nhận tài sản không yêu cầu các bị cáo bồi thường và anh xin giảm nhẹ hình phạt cho 03 bị cáo, do các bị cáo tuổi đời còn quá trẻ, để cho các bị cáo có điều kiện sửa đổi sai lầm.

Bị hại chị Châu Hồng L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt có nội dung: Về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo bồi thường; về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Anh Tăng T trình bày: Anh đã nhận tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Anh Dương Văn T trình bày: Anh đã nhận tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bị cáo Th nói lời nói sau cùng: Trước tiên cho bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được về với gia đình, đi làm kiếm tiền nuôi 03 đứa con còn nhỏ.

Bị cáo Ph nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được sớm về với gia đình.

Bị cáo P nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hội đồng xét xử đã thẩm tra về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bào chữa; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hoàn toàn hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với những lời khai của các bị cáo trước đây tại cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa như: Biên bản sự việc, biên bản tạm giữ tang vật, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh tang vật, kết luận định giá tài sản và những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 00 giờ, ngày 26/10/2018, tại nhà của bị hại anh Trần Minh H và chị Châu Hồng L; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh, hai bị cáo Ph và Thuận đã có hành vi lén lút lấy trộm: 01 (một) cây bông trang, loại lá nhỏ, bông đỏ, theo giá thị trường ngày 26/10/2018,

có giá trị là 5.000.000 đồng; 01 (một) con gà trống tre, có giá trị là 66.000 đồng; 01 (một) con gà mái tre, giá trị là 54.000 đồng. Theo kết luận số 01 ngày 03/01/2019 tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.120.000 đồng; trong đó vai trò của bị cáo P là người giúp sức chỉ dẫn đường đi đến nhà bị hại, xác định tài sản để trộm là cây bông trang cũng như hứa hẹn trước sẽ mua lại tài sản sau khi trộm được nhằm cũng cố ý chí phạm tội cho bị cáo Ph và bị cáo Th; bị cáo Ph và bị cáo Th là người thực hành trực tiếp lấy tài sản của bị hại, do đó 03 bị cáo cùng chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm với tài sản trộm là 01 cây bông Trang trị giá là 5.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Ph và bị cáo Th trộm 02 con gà tre trị giá 120.000 đồng là nằm ngoài ý chí của bị cáo P, nên chỉ bị cáo Ph và Thuận chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về hành vi trộm cắp 02 con gà tre.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi đã thành niên, đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ.

Theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì: *"Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*.

Như vậy, hành vi lén lút của các bị cáo trộm 01 cây bông trang và 02 con gà tre của bị hại, giá trị 5.120.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Cho nên Cáo trạng số: 14/CT-VKS-HS ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là đồng phạm giản đơn nhưng vai trò, mục đích phạm tội của các bị cáo khác nhau:

Đối với bị cáo Ph và bị cáo Th với vai trò người thực hành, mục đích của hai bị cáo trộm tài sản về bán lại cho bị cáo P lấy tiền tiêu xài, do hai bị cáo không có nghề nghiệp ổn định.

Đối với bị cáo P với vai trò giúp sức chỉ dẫn đường cho bị cáo Ph và bị cáo Th biết nhà bị hại, cũng như hứa hẹn trước sẽ mua lại tài sản sau khi trộm cắp được nhằm cũng cố ý chí phạm tội cho bị cáo Ph và bị cáo Th, mục đích của bị cáo là mua tài sản trộm cắp với giá thấp rồi đem bán lại để hưởng lợi bất hợp pháp.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Ph: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, do ngoài việc phạm tội trong vụ án này thì trước đây bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện C xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" vào ngày 12/11/2018 và đang chấp hành án; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; từ nhỏ bị cáo sống chung với người Dì tên Huỳnh Thị S nên thiếu sự giáo dục và tình thương của cha mẹ từ đó nhận thức pháp luật có phần bị hạn chế. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo Th: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, do ngoài việc phạm tội trong vụ án này thì bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện C xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" vào ngày 19/4/2019; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo là lao động chính đang nuôi con 03 nhỏ, trong đó 01 đứa con nhỏ nhất sinh 2019. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Ph và bị cáo Th, Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức độ phạm tội của từng bị cáo để ra một bản án cho từng bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo. Bị cáo Ph và bị cáo Th tuổi đời còn rất trẻ, có đầy đủ sức khỏe đáng lẽ ra hai bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để tạo ra thu nhập hợp pháp nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình, ngược lại, hai bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động cực nhọc, nên hai bị cáo lao vào con đường phạm tội, bất chấp pháp luật. Hiện nay địa bàn huyện Tiểu Cần tình hình trộm cắp tài sản có chiều hướng ngày một gia tăng về số lượng và có tính chất rất phức tạp. Để ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xét thấy cần thiết cách ly hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ tác dụng giáo dục hai bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm mới phát sinh.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo P: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, do ngoài việc phạm tội lần

này bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc và chấp hành xong vào năm 2016, nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; không có tiền án, tiền sự; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; cha bị cáo là anh Tăng T được Nhà nước tặng kỷ niệm chương "*Vì sự nghiệp phát triển của các dân tộc*", bị cáo đang nuôi con nhỏ sinh năm 2018, bị cáo đã khắc phục xong hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[9] Bị cáo P có nghề nghiệp mua bán thu nhập ổn định đáng lẽ ra bị cáo phải cố gắng lao động để tạo ra thu nhập hợp pháp cho mình, nhưng ngược lại do muốn có tài sản nhưng không phải lao động cực nhọc, nên bị cáo đã hứa hẹn để mua tài sản trộm cắp với giá thấp rồi đem bán lại để hưởng lợi bất hợp pháp, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do muốn hưởng lợi bất hợp pháp, nên bị cáo mới lao vào con đường phạm tội, bất chấp pháp luật. Mặc dù, bị cáo từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc đã chấp hành xong vào năm 2016, nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, đến thời điểm phạm tội lần này đã quá 06 tháng, xét thấy mức độ phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng và bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Theo Hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo được hưởng án treo. Trong vụ án này bị cáo đã bị tạm giam 01 (một) tháng 20 (hai mươi) ngày, trong thời gian tạm giam bị cáo nhận thức được hành vì của mình là vi phạm pháp luật và bị cáo đã ăn năn, hối cải. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không nhất thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội nhưng vẫn đảm bảo được tính giáo dục răn đe đối với bị cáo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa đổi sai lầm để trở thành một công dân tốt sống có ích gia đình và xã hội đồng thời cũng cho bị cáo có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ chưa tròn 02 tuổi, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[10] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, có gắn sim số thuê bao 0975.859.555 của bị cáo Tăng Vỉ P do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản giao

nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đôi dép lào, màu vàng, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Minh Th theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần.

Buộc bị cáo Ph và bị cáo Th liên đới nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, mỗi bị cáo nộp là 617.000 đồng, sung vào ngân sách Nhà nước.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Ý kiến của vị trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Tăng Vỉ P: Đối với yêu cầu áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị cho bị cáo P được hưởng án treo là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng đối với yêu cầu về xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo P là 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, có gắn sim số thuê bao 0975.859.555 là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[14] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Tăng Vỉ P, Huỳnh Hữu Ph và Nguyễn Minh Th phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Tăng Vỉ P 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/6/2019).

Giao người bị kết án được hưởng án treo Tăng Vỉ P cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Hữu Ph 09 (chín) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù của Bản án số: 54/2018/HS-ST, ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C về tội "*Trộm cắp tài sản*". Do đó, bị cáo Huỳnh Hữu Ph phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th 09 (chín) tháng tù, tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù của Bản án số: 14/2019/HS-ST, ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C về tội "*Trộm cắp tài sản*". Do đó, bị cáo Nguyễn Minh Th phải chấp hành hình phạt chung là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động, hiệu Iphone X, màu trắng, có gắn sim số thuê bao 0975.859.555 của bị cáo Tăng Vỉ P do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần đang quản lý, theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đôi dép lào, màu vàng, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Minh Th theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/5/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tiểu Cần.

Buộc bị cáo Ph và bị cáo Th liên đới nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, mỗi bị cáo nộp là 617.000 đồng, sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Tăng Vỉ P, Huỳnh Hữu Ph và Nguyễn Minh Th mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Cơ quan cảnh sát điều tra và Cơ quan THAHS Công an huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Bị cáo và các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân